

Số: 01/BC-THTT

Bình Phước, ngày 02 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - NĂM 2025
(tính đến 30/6/2025)

(Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Tên trường: Trường Tiểu học Tân Thiên, phường Tân Thiên, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 63, đường Ngô Quyền, khu phố Phước Thọ, phường Tân Thiên, tỉnh Bình Phước (nay là phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai).

Điện thoại: 0271.3509819.

Webiste: <http://tthanthien.dongxoai.edu.vn/>

Địa chỉ thư điện tử: tanthienth@gmail.com

3. Loại hình: Trường Tiểu học Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là phường Bình Phước).

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo Đồng Xoài (nay là UBND phường Bình Phước).

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

- **Sứ mệnh:** Xây dựng trường trở thành “ngôi trường hạnh phúc”, tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương, tôn trọng và yêu thương. Mỗi thành viên nhà trường được phát huy tối đa điểm mạnh của bản thân, phát triển phẩm chất riêng, có năng lực tư duy, sáng tạo.

- **Tầm nhìn:** Trường TH Tân Thiên là một ngôi trường hạnh phúc, chuẩn mực, năng động, nơi học sinh và giáo viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, nơi đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có tư duy độc lập, có ý chí vươn lên để tự tin phát triển toàn diện bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

Hệ thống giá trị cơ bản: Hợp tác, sáng tạo, trách nhiệm, nhân ái, tự trọng, bao dung, khát vọng vươn lên.

+ Hợp tác: Đề cao tinh thần đoàn kết, hợp tác để cùng phát triển.

+ Sáng tạo: Thúc đẩy tinh thần đổi mới và khuyến khích sự phát triển tư duy độc lập.

+ Trách nhiệm: Khuyến khích mỗi cá nhân chịu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

+ Nhân ái: Lan tỏa giá trị nhân văn, lòng nhân ái và sự chia sẻ yêu thương đến cộng đồng.

+ Tự trọng: Giáo dục học sinh coi trọng danh dự, phẩm chất và tư cách của chính bản thân, có niềm tin và ý thức về giá trị của bản thân.

+ Bao dung: Giáo dục các em mở rộng lòng trắc ẩn của một người, tôn trọng sự khác biệt hoặc chấp nhận và bỏ qua những khuyết điểm và lỗi lầm của người khác xây dựng mối quan hệ tốt đẹp.

- Khát vọng vươn lên: thúc đẩy sự nỗ lực vượt qua khó khăn không từ bỏ. Truyền cảm hứng, động lực để các em mong muốn và quyết tâm đạt được mục tiêu, ước mơ của mình.

Mục tiêu chung: Xây dựng trường TH Tân Thiện phát triển toàn diện về mọi mặt tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng nâng cao chất lượng các phong trào mũi nhọn; Coi trọng giáo dục truyền thống, nhân cách và kỹ năng sống, tăng cường nề nếp, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh; Nâng cao lý tưởng, tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

Đảm bảo học sinh phát triển cả về trí tuệ, thể chất, đạo đức và kỹ năng sống. Tạo điều kiện cho học sinh phát huy tối đa khả năng sáng tạo trong học tập; Giáo dục các em trở thành những công dân có trách nhiệm, biết tôn trọng và yêu thương. Trang bị cho học sinh các kỹ năng cần thiết như giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề. Tích hợp công nghệ thông tin trong giảng dạy để chuẩn bị cho học sinh thích nghi với thời đại số.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển Trường Tiểu học Tân Thiện.

Trường TH Tân Thiện được thành lập năm 1987 từ trường TH Đồng Xoài tách ra với tên gọi là trường TH Đồng Xoài B. Đến năm 1993, trường được đổi tên thành trường TH Phước Thiện. Năm 2000, khi thị trấn Đồng Xoài được thành lập thì trường được đổi tên thành trường TH Tân Xuân A. Năm 2010, trường được đổi tên thành trường TH Tân Thiện theo Quyết định số 1067/2010/QĐ-UB ngày 22/02/2010 của UBND thị xã Đồng Xoài. Diện tích trường 4.368,5m², nằm trong khu dân cư đông đúc của khu phố Phước Thọ, phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Tuy diện tích chưa đảm bảo quy định, nhưng do nằm trên vùng đất cao nên không khí tương đối mát mẻ. Được sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự quan tâm của các lực lượng xã hội ở địa phương, bằng sự nỗ lực phấn đấu của GV và HS, nhà trường không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, luôn hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhìn chung, địa

điểm xây dựng trường đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho người học, người dạy và người lao động.

Dân cư, kinh tế: phường Tân Thiện là địa bàn của trung tâm của thành phố Đồng Xoài và tỉnh Bình Phước. Diện tích tự nhiên 3,6 km²; tổng số hộ dân là 2.725 hộ với 10.104 nhân khẩu. Đời sống của Nhân dân trong phường ngày càng được nâng cao, mặt bằng dân trí từng bước được cải thiện. Toàn phường có 10 dân tộc cùng sinh sống, dân tộc thiểu số chủ yếu là người Khome; khu phố Phước Hoà thuộc địa bàn tuyển sinh của nhà trường, có nhiều hộ thuộc người dân tộc người Khmer, Xtiêng, người dân chủ yếu làm công nhân, một số làm thuê kiếm sống, cuộc sống còn gặp nhiều khó khăn nên sự quan tâm đến việc học tập của con em còn có những hạn chế nhất định.

Với sự cố gắng không ngừng, trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn được các cấp quản lý đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chất lượng giảng dạy của nhà trường ngày càng được nâng cao, tạo được sự tin cậy của CMHS và chính quyền địa phương. Tháng 12/2028 trường được UBND tỉnh Bình hước công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Tháng 4/2025 trường được Sở GD&ĐT Bình Phước công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1 (lần thứ 2).

Trong những năm qua trường TH Tân Thiện luôn mạnh dạn trong việc triển khai các hình thức, kỹ thuật dạy học mới như Giáo dục STEM, phương pháp “bàn tay nặn bột”, dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, ...bên cạnh đó nhà trường còn làm tốt công tác hỗ trợ học sinh hạn chế, phát hiện bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được khẳng định vững chắc, các hong trào mũi nhọn được nâng lên đáng kể. Cùng với việc dạy kiến thức, trường cũng luôn chú trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa,... để học sinh phát triển toàn diện.

Phát huy truyền thống và kết quả đã đạt được trong những năm học qua, mục tiêu phấn đấu của nhà trường hiện nay là: tiếp tục duy trì và giữ vững trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục học sinh; tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “*Xây dựng trường học sạch, xanh, sáng, đẹp, an toàn*” và các cuộc vận động do ngành phát động.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Huê - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: số 63 đường Ngô Quyền, khu phố Phước Thọ, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (cũ).

Điện thoại: 0986479669.

Email: huetandong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 1067/2010/QĐ-UB ngày 22/02/2010 của UBND thị xã Đồng Xoài về việc đổi tên trường Tiểu học Tân Xuân A thành Trường Tiểu học Tân Thiện.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường: Quyết định số 759/QĐ-PGDĐT ngày 14/9/2021 của trường phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài về việc thành lập Hội đồng trường - Trường Tiểu học Tân Thiện nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Danh sách các thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ phân công	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Huê	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Nguyễn Thị Thúy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Thị Hồng Ngân	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
4	Nguyễn Huy Tuấn	Tổ trưởng tổ VP - Kế toán	Thư ký	
5	Lê Thị Hương Giang	Tổ trưởng tổ 1	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Hiền	Tổ trưởng tổ 2	Thành viên	
7	Ngô Thị Thúy Huyền	Tổ trưởng tổ 3	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Hoài Nam	Tổ trưởng tổ 4	Thành viên	
9	Đặng Thị Hương	Tổ trưởng tổ 5	Thành viên	
10	Nguyễn Hữu Hưng	Phó Chủ tịch UBND phường Tân Thiện	Thành viên	
11	Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban Đại diện CMHS	Thành viên	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường TH Tân Thiện:

***Hiệu trưởng:** Nguyễn Thị Huê

- Ngày, tháng, năm sinh: 04/04/1976

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 2794/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thành phố Đồng Xoài về việc điều động và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Huê giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Tân Thiện.

***Phó Hiệu trưởng 1:** Nguyễn Thị Thúy

- Ngày, tháng, năm sinh: 20/6/1972

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thúy giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường TH Tân Thiện.

***Phó Hiệu trưởng 2: Nguyễn Thị Hồng Ngân**

- Ngày, tháng, năm sinh: 28/9/1983

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng Ngân giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường TH Tân Thiện.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học Tân Thiện; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường Tiểu học Tân Thiện; sơ đồ tổ chức bộ máy của trường TH Tân Thiện;

***Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học Tân Thiện:**

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

***Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của trường tiểu học Tân Thiện:**

Trường Tiểu học Tân Thiện là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

***Sơ đồ tổ chức bộ máy trường tiểu học gồm:**

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 24 đảng viên.

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh: gồm có 10 Chi đội và 15 lớp Nhi đồng

+ Tổ chuyên môn: 05 tổ; tổ văn phòng: 01 tổ;

- + Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh gồm có 15 lớp Nhi đồng và 10 Chi đội.
- + Ban Đại diện CMHS.
- + Lớp học sinh: gồm 25 lớp với 863 học sinh

đ) Quyết định thành lập trường TH Tân Thiện;

Quyết định số 1067/2010/QĐ-UB ngày 22/02/2010 của UBND thị xã Đồng Xoài về việc đổi tên trường Tiểu học Tân Xuân A thành Trường Tiểu học Tân Thiện.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo trường TH Tân Thiện.

T T	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Huê	Hiệu trưởng	0986479669	huetandong@gmail.com
2	Nguyễn Thị Thúy	Phó hiệu trưởng	0988047078	thuyhuu72@gmail.com
3	Nguyễn Thị Hồng Ngân	Phó hiệu trưởng	0968147799	nganhuyen8375@gmai.com

Địa chỉ nơi làm việc: số 63, đường Ngô Quyền, khu phố Phước Thọ, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (cũ). Số điện thoại: 0271.3509819.

8. Các văn bản khác của trường Tiểu học Tân Thiện:

Chiến lược phát triển; quy chế dân chủ cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính (có văn bản kèm theo).

- Quyết định số 211/QĐ-THTT ngày 21/9/2024 về ban hành Quy chế dân chủ cơ sở tại trường TH Tân Thiện;

- Quyết định số 212/QĐ-THTT ngày 21/9/2024 về ban hành Quy chế tổ chức các hoạt động trong nhà trường tại trường TH Tân Thiện;

- Quyết định số 213/QĐ-THTT ngày 21/9/2024 về ban hành Quy chế Văn hóa công sở tại trường TH Tân Thiện;

- Quyết định số 213a/QĐ-THTT ngày 21/9/2024 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của trường Tiểu học Tân Thiện;

- Quy chế số 04-QC/CBTH ngày 30/01/2023 về Quy chế phối hợp hoạt động giữa tổ chức Đảng và chính quyền và đoàn thể trong nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đã được trẻ hoá, đảm bảo về trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy học sinh tiểu học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, yêu nghề. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên nắm vững chức năng nhiệm vụ, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên Trường Tiểu học Tân Thiện đầu năm học 2024 - 2025 (tính đến 30/6/2025) cụ thể:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

STT	Danh mục vị trí việc làm	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Ghi chú (HĐ)
			ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	
I	Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3		3				2	1		3				
1	Hiệu trưởng	1		1				1			1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2				1	1		2				
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	39	1	33	4	1	0	23	15	1	31	8	0	0	7
1	Giáo viên tiểu học	29		25	4	0	0	19	10	0	26	3			
	Ngoại ngữ	3		3				1	2		2	1			2
	Âm nhạc	1		1				1			1				
	Mĩ thuật	1		1					1			1			1
	Tin học	1		1				1			1				
	Giáo dục thể chất	2	1	1					2		1	1			1
	Tổng phụ trách Đội	1				1				1		1			
	XMC-PCGD	1		1				1				1			
2	Giáo vụ	0													
3	Tư vấn học sinh	0													
4	Hỗ trợ GD HSKT	0													
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	3		1		2	0								1
1	Thư viện, quản trị công sở	0													
2	Vị trí việc làm văn thư, y tế thủ quỹ, kế toán.	3		1		2	0								1
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	3	0	0	0	0	3								3
1	Nhân viên Bảo vệ ND 111	2					2								2
2	Nhân viên Phục vụ ND 111	1					1								1
Tổng số CBQL, GV, NV		48	1	37	4	3	3	25	16	1	34	8	0	0	11

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

- Hiệu trưởng: Tự đánh giá Chuẩn Nghề nghiệp Tốt

- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 41 người, trong đó tự đánh giá Tốt 33; khá

8.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng

hàng năm theo quy định: 45 người, trong đó giáo viên: 39 người, cán bộ quản lí: 3 người; nhân viên: 3 người, tỷ lệ 100%. (3 NV bảo vệ, phục vụ)

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường; diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh.

Trường Tiểu học Tân Thiện có 01 điểm trường tại số 63, đường Ngô Quyền, khu phố Phước Thọ phường Bình Phước với diện tích 4.368,5 m²; diện tích bình quân 4,91m²/HS. So với yêu cầu tối thiểu 6 m² /HS diện tích chưa được đảm bảo.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	So với yêu cầu tối thiểu quy định
I	Số phòng học/số lớp	25/25	1	Đạt
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	25	1	Đạt
2	Phòng học bán kiên cố	0	-	
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-	
III	Số điểm trường lẻ	0	-	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4.368.5	4.91	Chưa đạt
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.700	3.03	Chưa đạt
VI	Tổng diện tích các phòng	1.088		Đạt
1	Diện tích phòng học (m ²)			
2	Diện tích thư viện (m ²)	66.6	1.9	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	44.8		Đạt
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	44.8		Đạt
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	44.8		Đạt
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	44.8		Đạt
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	16.0		Đạt
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	21.8		Đạt
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1181	92/25	

1.1	Khối lớp 1	910	45/5	
1.2	Khối lớp 2	27	0	Chưa đạt
1.3	Khối lớp 3	77	17/5	Chưa đạt
1.4	Khối lớp 4	112	18/6	Chưa đạt
1.5	Khối lớp 5	55	12/4	Chưa đạt
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	61		
2.1	Khối lớp 1	6		
2.2	Khối lớp 2	40		
2.3	Khối lớp 3	5		
2.4	Khối lớp 4	5		
2.5	Khối lớp 5	5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	36	Số học sinh/bộ	Đạt
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	48	Số thiết bị/lớp	Đạt
1	Ti vi	25		Đạt
2	Cát xét	0		Đạt
3	Đầu Video/đầu đĩa	0		Đạt
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03		Đạt
5	Thiết bị phòng âm nhạc	15		Đạt
				

	Nội dung	Số lượng(m ²)	So với yêu cầu tối thiểu quy định
X	Nhà bếp	1 (30 m ²)	Chưa đạt
XI	Nhà ăn	1 (200 m ²)	Chưa đạt

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	<i>Nhà vệ sinh</i>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3/3		1/1		30 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			1/1		40 m ²

**Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	So với yêu cầu tối thiểu quy định
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	Đạt
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	Đạt
XVII	Kết nối internet	x	Đạt
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	Đạt
XIX	Tường rào xây	x	Đạt

c) Số thiết bị dạy học hiện có

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	So với yêu cầu tối thiểu quy định
I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	25	1	Chưa đạt
1.1	Khối lớp 1	25	5	Chưa đạt
1.2	Khối lớp 2	0	0	Chưa đạt
1.3	Khối lớp 3	0	0	Chưa đạt
1.4	Khối lớp 4	0	0	Chưa đạt
1.5	Khối lớp 5	0	0	Chưa đạt
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	36		
2.1	Khối lớp 1	6		
2.2	Khối lớp 2	6		
2.3	Khối lớp 3	6		
2.4	Khối lớp 4	6		
2.5	Khối lớp 5	6		
II	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	12	Số học sinh/bộ	Chưa đạt
		12	0,3	Chưa đạt
III	Tổng số thiết bị dùng chung khác	44	Số thiết bị/lớp	Đạt
1	Ti vi	25	1	Đạt
2	Cát xét	1	1	Phòng ngoại ngữ

3	Đầu Video/đầu đĩa	0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03		Đạt
5	Thiết bị phòng âm nhạc	15	0,3	Chưa đạt
6	Thiết bị khác	0		0

d) Danh mục Sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Danh mục sách giáo khoa lớp 1:

STT	Môn học	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 1, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Tập một: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập hai: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 1, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 1, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Đinh Phương Duy (Tổng chủ biên), Trần Thanh Bình (Chủ biên), Trần Minh Hoàng, Lê Phương Trí, Trần Hoàng Túy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	TN&XH	Tự nhiên và Xã hội 1, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Trần Thanh Dũng, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật	Mĩ thuật 1, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Nguyễn Xuân Tiến (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	HD trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 1, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Vũ Quang Tuyên (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Tám (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà Tiên, Lê Phương Trí.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn học	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
8	Âm nhạc	Âm nhạc 1, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	Tiếng Anh 1, thuộc bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 2:

STT	Môn	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Tập một: Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yên.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập hai: Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), Nguyễn Thanh Ngọc Bảo, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yên.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 2, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Tập một: Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập hai: Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 2, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Trần Thanh Bình, Đinh Phương Duy, Phạm Quỳnh (đồng Chủ biên), Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Hà My, Lâm Hồng Lâm Thủy, Nguyễn Huyền Trang, Lê Phương Trí.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2 - thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phụng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 2, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
6	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Âm nhạc 2, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải - Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên) - Đặng Châu Anh (Chủ biên), Lương Diệu Anh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng, Nguyễn Mai Kiên, Hà Thị Thư, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Mỹ thuật 2, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm yển Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm lớp 2, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị yển Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	Tiếng Anh 2 (Global Success) thuộc bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 3:

STT	Môn	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Tập một: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập hai: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Kim Bích Loan, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 3, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Tập một: Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
			Tập hai: Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kinh Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 3 - thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh (đồng Chủ biên), Lê Quỳnh Chi, Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Vân Hương, Giang Thiên Vũ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 - thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phụng, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 3 - thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Âm nhạc 3 - thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Nguyễn Đăng Bửu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Mỹ thuật 3 (bản 1) - thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Bản 1: Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 - thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	Tiếng Anh 3 (Global Success) thuộc bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập một: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập hai: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Tin học và Công nghệ (Tin học)	Tin học 3, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Thị Hồng Nhung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tin học và Công nghệ	Công nghệ 3, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Lưỡng, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
	(Công nghệ)			

Danh mục sách giáo khoa lớp 4:

STT	Môn	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Tập một: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập hai: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Tập một: Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kinh Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập hai: Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kinh Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	Tiếng Anh 4, (Global Success) thuộc bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập một: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập hai: Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Đạo đức	Đạo đức 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dư, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Bằng, Trần Thị Ngọc Hân, Nguyễn Chí Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học	Khoa học 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
7	Tin học và Công nghệ (Tin học)	Tin học 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Đỗ Thị Ngọc Quỳnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	Công nghệ 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục Thể chất	Giáo dục thể chất 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Âm nhạc 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị Thư, Nguyễn Đình Tình, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Mỹ thuật 4, thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4 (bản 1), thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa, (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục sách giáo khoa lớp 5:

STT	Môn học	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Tập một: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm. Tập hai: Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán	Toán 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn học	Tên sách, bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
		thuộc bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	dục Việt Nam
4	Đạo đức	Đạo đức 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dư, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.	Nhà xuất bản Giáo dục
5	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Băng, Trần Thị Ngọc Hân, Trần Văn Nhân, Nguyễn Chí Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học	Khoa học 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tin học và Công nghệ (Tin học)	Tin học 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Nhật Minh Đăng, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	Công nghệ 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Lê Thị Xinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Âm nhạc 5 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị Thư, Nguyễn Đình Tình, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Mỹ thuật 5 (bản 1) thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5 (bản 1) thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

đ) Danh mục xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường năm học 2024-2025

Nhà trường trang bị sách tham khảo để phục vụ tốt cho việc giảng dạy của giáo viên, việc học tập của học sinh.

+ Lớp 1

TT	Tên xuất bản phẩm tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tập viết 1, Tập viết 2	Bùi Mạnh Hùng	NXB Giáo dục VN
2	Vở bài tập Tiếng Việt Tập 1, Tập 2	Bùi Mạnh Hùng	NXB Giáo dục VN
3	Vở bài tập Toán Tập 1, Tập 2	Trần Nam Dũng	NXB Giáo dục VN
4	Vở bài tập TNXH 1	Đỗ Xuân Hội	NXB Giáo dục VN
5	Vở bài tập Mỹ thuật 1	Nguyễn Xuân Tiên	NXB Giáo dục VN
6	Tiếng Anh lớp 1 Global success - Sách bài tập	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN

+ Lớp 2

TT	Tên xuất bản phẩm tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tập viết 2 - Tập 1, Tập 2	Nguyễn Thị Ly Kha	NXB Giáo dục VN
2	Vở bài tập Tiếng Việt 2- Tập 1, Tập 2	Nguyễn Thị Ly Kha	NXB Giáo dục VN
3	Vở bài tập Toán 2 - Tập 1, Tập 2	Trần Nam Dũng	NXB Giáo dục VN
4	Vở bài tập Đạo đức 2	Trần Thanh Bình	NXB Giáo dục VN
5	Vở bài tập Mỹ thuật	Nguyễn Thị Nhung	NXB Giáo dục VN
6	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2	Đỗ Xuân Hội	NXB Giáo dục VN
7	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 2	Phó Đức Hoà	NXB Giáo dục VN
8	Vở bài tập Âm nhạc 2	Hồ Ngọc Khải	NXB Giáo dục VN
9	Tiếng Anh lớp 2 Global success - Sách bài tập	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN

+ Lớp 3

TT	Tên xuất bản phẩm tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Vở bài tập Công nghệ 3	Bùi Văn Hồng	NXB Giáo dục VN
2	Vở bài tập Đạo Đức 3	Vũ Trọng Thanh-Phan Thị Bích Vân	NXB Giáo dục VN
3	Vở bài tập Mỹ thuật 3	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc, Nguyễn Thị Nhung	NXB Giáo dục VN
4	Vở bài tập Âm nhạc 3	Hồ Ngọc Khải - Lê Anh Tuấn	NXB Giáo dục VN
5	Vở bài tập Toán 3 - Tập 1, Tập 2	Khúc Hành Chính	NXB Giáo dục VN
6	Vở bài tập Tiếng Việt 3 - Tập 1, 2	Nguyễn Thị Ly Kha	

7	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 3	Phó Đức Hoà	NXB Giáo dục VN
8	Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3	Nguyễn Thị Thu Hằng	
9	Tiếng Anh lớp 3 Global success - Sách bài tập	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN

+ Lớp 4

TT	Tên xuất bản phẩm tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 1 (KN)	Trịnh Cam Ly	NXB Giáo dục VN
2	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 2 (KN)	Trịnh Cam Ly	NXB Giáo dục VN
3	Vở bài tập Toán 4, tập 1 (KN)	Khúc Hành Chính	NXB Giáo dục VN
4	Vở bài tập Toán 4, tập 2 (KN)	Khúc Hành Chính	NXB Giáo dục VN
5	Vở bài tập Đạo đức 4 (KN)	Huỳnh Văn Sơn	NXB Giáo dục VN
6	Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4 (KN)	Nguyễn Trà My	NXB Giáo dục VN
7	Vở bài tập Khoa học 4 (KN)	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	NXB Giáo dục VN
8	Vở bài tập Tin học 4 (KN)	Quách Tấn Kiên	NXB Giáo dục VN
9	Vở bài tập Công nghệ 4 (KN)	Bùi Văn Hồng	NXB Giáo dục VN
10	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4 (KN)	Phó Đức Hoà	NXB Giáo dục VN
11	Vở bài tập Âm nhạc 4 (KN)	Hồ Ngọc Khải	NXB Giáo dục VN
12	Vở bài tập Mỹ thuật 4 (KN)	Nguyễn Tuấn Cường	NXB Giáo dục VN
13	Tiếng Anh 4 (Global success) - Sách bài tập	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN

+ Lớp 5

TT	Tên xuất bản phẩm tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập một	Trịnh Cam Ly	NXB Giáo dục VN
2	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập hai	Trịnh Cam Ly	NXB Giáo dục VN
3	Vở bài tập Toán 5, tập 1	Khúc Hành Chính	NXB Giáo dục VN
4	Vở bài tập Toán 5, tập 2	Khúc Hành Chính	NXB Giáo dục VN
5	Vở bài tập Đạo đức 5	Huỳnh Văn Sơn	NXB Giáo dục VN
6	Vở bài tập Khoa học 5	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	NXB Giáo dục VN
7	Vở bài tập Công nghệ 5	Bùi Văn Hồng	NXB Giáo dục VN
8	Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 5	Nguyễn Trà My	NXB Giáo dục VN
9	Vở bài tập Âm nhạc 5	Hồ Ngọc Khải	NXB Giáo dục VN
10	Vở bài tập Mỹ thuật 5	Nguyễn Tuấn Cường	NXB Giáo dục VN
11	Vở bài tập Tin học 5	Quách Tấn Kiên	NXB Giáo dục VN
12	Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 5	Phó Đức Hoà	NXB Giáo dục VN
13	Tiếng Anh 5 (Global success) - Sách bài tập	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục VN

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 24/24; tỉ lệ 100%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 0/24; tỉ lệ 0%;
- Số lượng các tiêu chí Đạt Mức 2: 22/22; tỉ lệ 100%;
- Số lượng các tiêu chí không Đạt Mức 2: 0/22; tỉ lệ 0%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 4/17; tỉ lệ 23,5%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 13/17; tỉ lệ 76,5%.
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 4: 1/7
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 4: 6/7
- Trường Tiểu học Tân Thiện tự đánh giá đạt: Mức 2.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm 2025, trường được đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (giai đoạn 2019-2024) theo Quyết định số 1212/QĐ-SGD&ĐT ngày 11/4/2025 và được Sở GD&ĐT Bình Phước (cũ) công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 1212/QĐ-SGD&ĐT ngày 11/4/2025 của Sở GD&ĐT Bình Phước.

c) Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm (*Có báo cáo kèm theo*)

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

*Đối tượng và độ tuổi tuyển sinh:

- Tất cả trẻ em trong độ tuổi quy định đều được vào học lớp 1.

- Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2019) và được tính theo năm. Trẻ em khuyết tật, kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, trẻ em ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em ở nước ngoài về nước, con em người nước ngoài học tập, làm việc ở Việt Nam có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi cao hơn so với quy định nhưng không quá 03 tuổi. Trường hợp trẻ em vào học lớp 1 vượt quá 03 tuổi so với quy định sẽ do Trường phòng GD&ĐT quyết định.

*Địa bàn và chỉ tiêu tuyển sinh:

Trường tuyển 100% trẻ 6 tuổi là con, em của nhân dân hiện đang cư trú và sinh sống trên địa bàn phường Tân Thiện.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 175 em/5 lớp (theo kế hoạch 374/KH-PGDĐT ngày 31/3/2025 về Kế hoạch tuyển sinh vào mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2025-2026 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thành phố Đồng Xoài).

***Hồ sơ tuyển sinh:**

- Đơn xin nhập học (theo mẫu).
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ.
- Bản chụp màn hình thông tin cư trú của các thành viên trong gia đình có con xin học trong tài khoản VnED định danh điện tử mức độ 2 của người xin học cho con (cha, mẹ hay người giám hộ).
- Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình mẫu giáo 5 tuổi (nếu có).
- Hồ sơ theo dõi trẻ khuyết tật (nếu có).

***Phương thức tuyển sinh:**

- Thực hiện phương thức xét tuyển vào lớp 1.
- Thực hiện tuyển sinh trực tuyến:
- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thông báo rộng rãi đến từng người dân trong địa bàn về các quy định tuyển sinh để mọi người dân được biết đăng ký nhập học cho con em mình đảm bảo tuyển sinh đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch giao.

*** Thời gian tuyển sinh:**

Từ ngày 09/6/2025 đến hết ngày 26/7/2025 không kể ngày thứ bảy, chủ nhật (đối với những trường hợp trái tuyển giải quyết từ ngày 09/6/2025 đến ngày 13/6/2025)

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Thực hiện theo kế hoạch số 88/KH-THTT ngày 29/8/2025 về kế hoạch giáo dục trường Tiểu học Tân Thiện, năm học 2025 - 2026 đã được thông qua Hội nghị VC-NLĐ và Cha mẹ học sinh.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

Thực hiện Quy chế số 186/QC-THTT ngày 04/10/2025 về quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2025 - 2026.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

***Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học**

Tháng 9	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ	Thời gian	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
------------	-------------	--------------------	-----------------	--------------	--------------------	----------------------------

			chức	thực hiện		
	<i>Chủ đề 1: Em và mái trường mến yêu</i>	Tham gia Lễ khai giảng	Toàn trường	5/9/2025	BGH, TPT Đội	CB, GV, NV, HS toàn trường; CMHS; DB
		SHDC: Tham gia học tập nội quy trường, lớp	Toàn trường	Tuần 1	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV,
		Tuyên truyền về tháng ATGT	Toàn trường	Tuần 2	BGH, TPTĐ, GVCN, CA phường	CB, GV, NV, HS toàn trường; CA phường
		Sinh hoạt chủ đề "Em và mái trường mến yêu"	Toàn trường	Tuần 3	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV, HS toàn trường
		SHDC: Múa hát tập thể theo chủ đề "Em và trường tiểu học thân yêu".	Toàn trường	Tuần 4	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV, HS toàn trường
Tháng 10	<i>Chủ đề 2: An toàn trong cuộc sống</i>	SHDC: Hoạt động vui Trung thu	Toàn trường	Tuần 5	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV, HS toàn trường
		SHDC: Biểu diễn tiểu phẩm "An toàn khi giao tiếp trên mạng".	Toàn trường	Tuần 6	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV, HS toàn trường
		SHDC: Múa, hát theo chủ đề vì một cuộc sống an toàn	Toàn trường	Tuần 7	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV, HS toàn trường
		SHDC: Tham gia tổng kết hoạt động chủ đề "An toàn trong cuộc sống"	Toàn trường	Tuần 8	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV, HS toàn trường
Tháng 11	<i>Chủ đề 3: Biết ơn thầy cô- yêu quý bạn bè</i>	SHDC: Chương trình "Thầy cô trong trái tim em".	Toàn trường	Tuần 9	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV, HS toàn trường
		SHDC: Tổ chức hoạt động thiết kế thiệp chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam	Toàn trường	Tuần 10	BGH, TPTĐ, GVCN	CB, GV, NV, HS toàn trường

		Lễ Kỷ niệm 20/11 Tham gia văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam	Toàn trường	Tuần 11	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Tham gia kể chuyện “Thầy cô trong trái tim em”	Toàn trường	Tuần 12	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
Tháng 12	<i>Chủ đề 4: Truyền thống quê em</i>	SHDC: Truyền thống quê em	Toàn trường	Tuần 13	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Tham gia tìm hiểu về truyền thống quê hương	Toàn trường	Tuần 14	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		HĐTN: Tổ chức cho học sinh du khảo về nguồn	Toàn trường	Tuần 15	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Nói chuyện chuyên đề 22/12: Ông kể cháu nghe về truyền thống anh hùng của QĐND Việt Nam	Toàn trường	Tuần 16	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Phong tục đón năm mới của địa phương em	Toàn trường	Tuần 17	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
Tháng 01	<i>Chủ đề 5: Chào năm mới</i>	SHDC: Tìm hiểu trang phục đón năm mới của một số dân tộc	Toàn trường	Tuần 18	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Tìm hiểu trò chơi dân gian trong dịp năm mới.	Toàn trường	Tuần 19	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Tổ chức cho HS tham gia múa, hát, đọc thơ về chủ đề năm mới	Toàn trường	Tuần 20	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Xuân yêu thương, Tết sum vầy.	Toàn trường	Tuần 21	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
Tháng 02	<i>Chủ đề 5: Chăm sóc và phát</i>	SHDC: Thắp sáng ước mơ. Trao quà Tết cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.	Toàn trường	Tuần 22	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường

	triển bản thân	SHDC: Chăm sóc và phát triển bản thân	Toàn trường	Tuần 23	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
Tháng 3	Chủ đề 7: Yêu thương gia đình. Quý trọng phụ nữ	SHDC: SHDC: Múa hát chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3	Toàn trường	Tuần 24	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Làm bưu thiếp tặng mẹ và cô	Toàn trường	Tuần 25	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Tham gia sân khẩu tương tác về chủ đề gia đình	Toàn trường	Tuần 26	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Tham gia hoạt động “Lời nhắn nhủ yêu thương”.	Toàn trường	Tuần 27	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
Tháng 4	Chủ đề 8: Môi trường xanh. Cuộc sống xanh.	SHDC: Tham gia lễ phát động Môi trường xanh - Cuộc sống xanh	Toàn trường	Tuần 28	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Truyền thông điệp “Chung tay bảo vệ môi trường”	Toàn trường	Tuần 29	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Phát động phong trào ủng hộ sách cho thư viện.	Toàn trường	Tuần 30	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Tham gia Ngày hội đọc sách	Toàn trường	Tuần 31	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
Tháng 5	Chủ đề 9: Những người sống quanh em	SHDC: Phong trào “Người tốt, việc tốt”	Toàn trường	Tuần 32	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Hội thi Kể việc làm tốt của em với người xung quanh	Toàn trường	Tuần 33	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Tham gia kỉ niệm sinh nhật Bác Hồ.Thi kể chuyện về Bác Hồ	Toàn trường	Tuần 34	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường
		SHDC: Cam kết "Mùa hè ý nghĩa và an toàn"	Toàn trường	Tuần 35	BGH, TPTĐ, GVCN	CB,GV,NV, HS toàn trường

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh bán trú.

Công khai hàng tuần tại: <http://thtanthien.dongxoai.edu.vn/thuc-don-ban-tru>

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh năm học 2025 - 2026:

- + Số học sinh trong địa bàn: 223 HS.
- + Số HS trong địa bàn vào lớp 1 tại trường: 173
- + Số HS trong địa bàn đi học trường khác: 50
- + Số HS ngoài địa bàn đến học tại trường: 18
- + Tổng số HS học tại trường: 191 em, tỷ lệ: 109,14%

Trong đó: Nữ: 86 HS; DT: 14 HS; Nữ DT: 8

Thông tin chung về học sinh:

TT	Thông tin	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Tổng số học sinh	881	882
	- Nữ	443	436
	- Dân tộc thiểu số	73	73
	- Đối tượng chính sách	11	11
	- Khuyết tật	13	16
	Khối lớp 1	187 HS/5 lớp, bình quân 37,4 HS/lớp	199 HS/5 lớp, bình quân 39,8 HS/lớp
	Khối lớp 2	177HS/5 lớp, bình quân 35,4 HS/lớp	175 HS/5 lớp, bình quân 35 HS/lớp
	Khối lớp 3	182 HS/5 lớp, bình quân 36,4 HS/lớp	168 HS/5 lớp, bình quân 33,6 HS/lớp
	Khối lớp 4	174 HS/5 lớp, bình quân 34,8 HS/lớp	173 HS/5 lớp, bình quân 34,6 HS/lớp
	Khối lớp 5	161 HS/5 lớp, bình quân 32,2 HS/lớp	167 HS/5 lớp, bình quân 33,4 HS/lớp
2	Học sinh chuyển trường	57	30
3	Học sinh tiếp nhận học tại trường	28	16
4	Tổng số tuyển mới	181	191
5	Học 2 buổi/ngày	881	882
6	Bán trú	726	727
7	Nội trú	0	0
	Bình quân số học sinh/lớp học	35.2	35.3
8 9	Số lượng và tỷ lệ % số học sinh đi học đúng độ tuổi	827/881 Tỉ lệ 93.9%	829/882 Tỉ lệ 93.99%
	- Nữ	92.3%	418/ 436, tỉ lệ 95.87%
	- Dân tộc thiểu số	81.2%	56/73, tỉ lệ 76.7%

10	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh nếu có	140	
11	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	7	
12	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	11	11
	- Nữ	4	4
	- Dân tộc thiểu số	3	3
13	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	0	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Nội dung	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
I. Kết quả học tập												
1. Tiếng Việt	863		181		172		181		170		159	
Hoàn thành tốt	573	66	113	62	109	63	117	65	121	71	113	71
Hoàn thành	287	33	65	36	63	37	64	35	49	29	46	29
Chưa hoàn thành	3	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán	863		181		172		181		170		159	
Hoàn thành tốt	558	65	112	62	114	66	118	65	113	66	101	64
Hoàn thành	303	35	67	37	58	34	63	35	57	34	58	36
Chưa hoàn thành	2	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học	329		0		0		0		170		159	
Hoàn thành tốt	245	74							125	74	120	75
Hoàn thành	84	26							45	26	39	25
Chưa hoàn thành	0	0							0	0	0	0
4. Lịch sử và Địa lí	329		0		0		0		170		159	
Hoàn thành tốt	236	72							122	72	114	72
Hoàn thành	93	28							48	28	45	28
Chưa hoàn thành	0	0							0	0	0	0
5. Ngoại ngữ 1	353		181		172		0		0		0	
Hoàn thành tốt	223	63	116	64	107	62	0					
Hoàn thành	128	36	63	35	65	38	0					
Chưa hoàn thành	2	1	2	1	0	0	0					
6. Ngoại ngữ 1	510		0		0		181		170		159	
Hoàn thành tốt	325	64					109	60	111	65	105	66
Hoàn thành	185	36					72	40	59	35	54	34
Chưa hoàn thành	0	0					0	0	0	0	0	0
7. Đạo đức	863		181		172		181		170		159	
Hoàn thành tốt	603	70	116	64	121	70	122	67	129	76	115	72
Hoàn thành	260	30	65	36	51	30	59	33	41	24	44	28

Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Tự nhiên và Xã hội	534		181		172		181		0		0	
Hoàn thành tốt	362	68	119	66	119	69	124	69				
Hoàn thành	172	32	62	34	53	31	57	31				
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0				
9. Âm nhạc	863		181		172		181		170		159	
Hoàn thành tốt	597	69	122	67	118	69	121	67	120	71	116	73
Hoàn thành	266	31	59	33	54	31	60	33	50	29	43	27
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Mỹ thuật	863		181		172		181		170		159	
Hoàn thành tốt	628	73	125	69	128	74	124	69	130	76	121	76
Hoàn thành	235	27	56	31	44	26	57	31	40	24	38	24
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	510		0		0		181		170		159	
Hoàn thành tốt	385	75					141	78	132	78	112	70
Hoàn thành	125	25					40	22	38	22	47	30
Chưa hoàn thành	0	0					0	0	0	0	0	0
12. Tin học và Công nghệ (Tin học)	510		0		0		181		170		159	
Hoàn thành tốt	343	67					122	67	116	68	105	66
Hoàn thành	167	33					59	33	54	32	54	34
Chưa hoàn thành	0	0					0	0	0	0	0	0
13. Giáo dục thể chất	863		181		172		181		170		159	
Hoàn thành tốt	576	67	115	64	115	67	116	64	122	72	108	68
Hoàn thành	287	33	66	36	57	33	65	36	48	28	51	32
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14. Hoạt động trải nghiệm	863		181		172		181		170		159	
Hoàn thành tốt	597	69	115	64	121	70	122	67	124	73	115	72
Hoàn thành	266	31	66	36	51	30	59	33	46	27	44	28
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II. Năng lực cốt lõi												
1. Tự chủ và tự học	863		181		172		181		170		159	
Tốt	588	68	116	64	116	67	118	65	117	69	121	76
Đạt	275	32	65	36	56	33	63	35	53	31	38	24
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	863		181		172		181		170		159	
Tốt	611	71	115	64	119	69	119	66	130	76	128	81
Đạt	252	29	66	36	53	31	62	34	40	24	31	19
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

3. GQVĐ và sáng tạo	863		181		172		181		170		159	
Tốt	558	65	108	60	115	67	106	59	114	67	115	72
Đạt	305	35	73	40	57	33	75	41	56	33	44	28
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Ngôn ngữ	863		181		172		181		170		159	
Tốt	582	67	110	61	118	69	116	64	122	72	116	73
Đạt	278	32	68	38	54	31	65	36	48	28	43	27
Cần cố gắng	3	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Tính toán	863		181		172		181		170		159	
Tốt	584	68	113	62	120	70	120	66	115	68	116	73
Đạt	277	32	66	36	52	30	61	34	55	32	43	27
Cần cố gắng	2	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Khoa học	863		181		172		181		170		159	
Tốt	588	68	113	62	121	70	118	65	124	73	112	70
Đạt	275	32	68	38	51	30	63	35	46	27	47	30
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Công nghệ	510		0		0		181		170		159	
Tốt	365	72	0				133	73	124	73	108	68
Đạt	145	28	0				48	27	46	27	51	32
Cần cố gắng	0	0	0				0	0	0	0	0	0
8. Tin học	510		0				181		170		159	
Tốt	342	67	0				121	67	118	69	103	65
Đạt	168	33	0				60	33	52	31	56	35
Cần cố gắng	0	0	0				0	0	0	0	0	0
9. Thẩm mỹ	863		181		172		181		170		159	
Tốt	585	68	119	66	119	69	120	66	119	70	108	68
Đạt	278	32	62	34	53	31	61	34	51	30	51	32
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Thể chất	863		181		172		181		170		159	
Tốt	600	70	123	68	122	71	114	63	122	72	119	75
Đạt	263	30	58	32	50	29	67	37	48	28	40	25
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Phẩm chất chủ yếu												
1. Yêu nước	863		181		172		181		170		159	
Tốt	696	81	144	80	132	77	145	80	137	81	138	87
Đạt	167	19	37	20	40	23	36	20	33	19	21	13
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	863		181		172		181		170		159	
Tốt	695	81	150	83	132	77	147	81	134	79	132	83
Đạt	168	19	31	17	40	23	34	19	36	21	27	17
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	863		181		172		181		170		159	

Tốt	588	68	120	66	124	72	110	61	118	69	116	73
Đạt	275	32	61	34	48	28	71	39	52	31	43	27
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	863		181		172		181		170		159	
Tốt	671	78	140	77	129	75	133	73	132	78	137	86
Đạt	192	22	41	23	43	25	48	27	38	22	22	14
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	863		181		172		181		170		159	
Tốt	603	70	124	69	124	72	114	63	119	70	122	77
Đạt	260	30	57	31	48	28	67	37	51	30	37	23
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV. Đánh giá KQHT	863		181		172		181		170		159	
- Hoàn thành xuất sắc	303	35	65	36	72	42	58	32	57	34	51	32
- Hoàn thành tốt	187	22	37	20	24	14	41	23	43	25	42	26
- Hoàn thành	370	43	76	42	76	44	82	45	70	41	66	42
- Chưa hoàn thành	3	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0
V. Khen thưởng	490		102		96		99		100		93	
- Giấy khen cấp trường	490	100	102	10	96	10	99	100	100	10	93	10
- Giấy khen cấp trên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VI. HSDT được trợ giảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VII. HS.K.Tật không ĐG	13	3	1	1	3	3	5	5	1	1	3	3

- Số học sinh được lên lớp: 860/863, tỷ lệ 99,65%

c) Số học sinh được công nhận HT CTTH: 159/159, tỷ lệ 100%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính thực hiện năm 2024 (Nguồn ngân sách nhà nước)

a) Kinh phí giao tự chủ: 9.710.567.166 đồng, trong đó:

- Chi lương, phụ cấp và các khoản trích nộp theo lương: 8.855.640.549 đồng
- Chi cơ sở vật chất, hoạt động, chi khác: 693.000.000 đồng
- Chi khác: 121.882.000 đồng

b) Kinh phí giao không tự chủ: 327.000.000 đồng, trong đó:

- Chi hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, hỗ trợ khác: 14.850.000 đồng
- Chi gia hạn các phần mềm: 21.204.200 đồng
- Chi mua 3 cái ti vi: 49.890.000 đồng
- Chi khác: 230.970.915 đồng

c) Dự toán phân bổ ngân sách năm 2025.

ĐVT: đồng

STT	Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán	Ghi chú
I	KINH PHÍ TỰ CHỦ				11.052.251.617	
	822	070	072	Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (theo MLCS 2,34trđ)	10.169.734.204	
	822	070	072	Phụ cấp ưu đãi đối với GV dạy HS khuyết tật năm học 2023-2024	-	
	822	070	072	Phụ cấp ưu đãi đối với GV dạy HS khuyết tật năm học 2024-2025	149.472.796	
	822	070	072	Kinh phí chi hoạt động	810.044.617	
	822	070	072	Trừ tiết kiệm 10% cải cách tiền lương theo quy định	(77.000.000)	
II	KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ				858.352.000	
	822	070	072	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024	228.838.000	
	822	070	072	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2025	480.898.000	
	822	070	072	Kinh phí gia hạn các PM; mua sắm TS phục vụ công tác chuyên môn	133.616.000	
	822	070	072	Chi hỗ trợ chi phí học tập	15.000.000	
TỔNG CỘNG: I + II					11.910.603.617	

2. Các khoản thu đối với học sinh:**Năm học 2024 - 2025****Phục vụ học tập, vệ sinh trường, lớp:**

Tồn năm học 2023 - 2024: 1.388.179 đồng

Tổng thu năm học 2024 - 2025: 273.842.500 đồng

Tổng chi năm học 2024 - 2025: 268.917.479 đồng

Tồn năm học 2024 - 2025: 2.206.994 đồng

Phí học bán trú:

Tồn năm học 2023 - 2024: 1.718.027 đồng

Tổng thu năm học 2024 - 2025: 836.849.000 đồng

Tổng chi năm học 2024 - 2025: 784.428.977 đồng

Tồn năm học 2024 - 2025: 51.031.844 đồng

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm (về trợ cấp và miễn giảm): Thực hiện theo qui định như Hỗ trợ học sinh chi phí học tập thuộc đối tượng nghèo, cận nghèo khuyết tật.

4. Các nội dung công khai tài chính khác theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Nhà trường triển khai nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 bảo đảm an toàn trường học và chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học.

- Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh.

- Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, quản trị nhà trường.

- Thực hiện tốt các phong trào thi đua trong toàn ngành.

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với tất cả các khối lớp; tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương; tăng cường huy động nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ năm học. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tích cực theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để có đủ giáo viên, đảm bảo chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông, chú trọng chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy CTGDPT 2018, nhất là bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và môn Tin học; đảm bảo 100% giáo viên dạy học lớp 5 được bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT.

- Đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; chú trọng phát triển mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; bảo đảm học sinh được học 2 buổi/ngày theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và hướng đến thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ

quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Thành tích đạt được năm học 2024- 2025:

- Công tác phổ cập: Đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục cấp độ 3; số lượng huy động 863 em học sinh/25 lớp, duy trì 100%; tổ chức điều tra, thống kê số liệu theo chương trình phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

- Chất lượng giáo dục toàn diện

+ Học sinh hoàn thành chương trình lớp học, cấp học: 860/863 học sinh, đạt tỉ lệ 99.7% (vượt chỉ tiêu 0.1%); học sinh lớp 5 hoàn thành CTTH 159/159 học sinh đạt tỉ lệ 100%.

- Học sinh được khen thưởng cuối năm: 490 em- tỉ lệ 56,7 %. Trong đó học sinh xuất sắc là 302 em tỉ lệ 35,0%; học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện 188 em, tỷ lệ 21,8% . Khen thưởng 72 đội viên Hoàn thành xuất sắc công tác đội và 75 học sinh đạt giải ở các phòng trào, hội thi.

- Công tác huy động học sinh 6 tuổi trên địa bàn học lớp 1 đạt tỉ lệ 100%. Không có học sinh bỏ học. (Đạt chỉ tiêu)

- Kết quả Hội thi giao lưu:

- Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường và tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp thành phố đạt 07 giải. Tổ chức “tuần học tốt” chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 khen thưởng 93 học sinh; Khen thưởng 06 cá nhân và 03 tập thể đạt giải “Hội thi Văn nghệ” Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, năm học 2024 -2025;

- Tham gia cuộc thi IOE Tiếng Anh qua mạng Internet: có 13 học sinh đạt giải cấp tỉnh, thành phố và hoàn thành tốt kỳ thi cấp Quốc gia. Cuộc thi Violympic các môn học cũng được các em học sinh tích cực tham gia. Kết quả Môn Toán có 13 học sinh đạt giải; Môn Tiếng Việt có 23 học sinh đạt giải ; Môn Lịch sử và Địa lí 06 học sinh đạt giải. Cuộc thi vẽ tranh “Em vẽ thành phố Đồng Xoài thân yêu” cấp thành phố đạt 03 giải KK. Cuộc thi Hùng biện song ngữ Anh - Việt có 04 học sinh đạt giải KK cấp thành phố, trường đạt giải Khuyến khích toàn đoàn.

- Tỉ lệ học sinh tham gia BHYT: 100%.

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường đạt 30 giáo viên; cấp thành phố đạt 7 GV (1 giải Nhì: 03 giải KK). Số sáng kiến được công nhận cấp trường: 21 sáng kiến của 22 tác giả; cấp thành phố: đạt 11 SK của 12 tác giả. Sản phẩm sáng tạo kỹ thuật dự thi cấp thành phố: 5 sản phẩm. Số thiết bị dạy học số do giáo viên tự thiết kế và sưu tầm: 81 thiết bị, số bài giảng có chất lượng được đưa lên kho học liệu của ngành là: 372 bài. Tham gia Hội thao ngành Giáo dục đạt 02 giải Nhất, 01 giải Ba.

- 100% cán bộ, giáo viên, công nhân viên chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, không có đơn thư khiếu kiện.

- Chi bộ Đảng, Công đoàn nhà trường đạt hoàn thành Tốt nhiệm vụ.

- Công tác nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên: Tất cả giáo viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng CNTT vào giảng dạy và giáo dục học sinh.

- Đánh giá viên chức, người lao động cuối năm:

+ Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 9/48, tỷ lệ 18,75%;

+ Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 36/48, tỷ lệ 75,0%;

+ Cá nhân không đủ điều kiện đánh giá: 2/48, tỷ lệ: 4,2%

- Công tác thi đua, khen thưởng:

+ 4 tổ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Tổ 1, 4, 5 và tổ văn phòng; 2 tổ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Tổ 2 và tổ 3.

+ Tập thể trường đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”

- *Kết quả xét thi đua cuối năm:*

+ Tập thể: Trường đạt đủ điều kiện Tập thể LĐXS. Có 4 tổ đạt LĐTT Đề nghị UBND phường tặng giấy khen gồm: tổ văn phòng, tổ 2, tổ 4 và tổ 5

+ Cá nhân: Đề nghị LĐTT 33/46 viên chức, người lao động; tỷ lệ: 71.7%.

+ 12 cá nhân đạt CSTĐCS, 01 cá nhân đề nghị UBND tỉnh tặng bằng khen, 02 cá nhân đề nghị TTCP tặng bằng khen, 02 cá nhân đề nghị Huân chương Lao động hạng Ba.

- Công tác xây dựng cơ sở vật chất: Trường tiếp tục tích cực làm tốt công tác tham mưu vận động để tăng cường mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Trong năm học 2024 - 2025, nhà trường đã tham mưu UBND thành phố đầu tư phòng hệ thống LAP, thiết bị nghe nhìn phòng Ngoại ngữ; 50 bộ bàn ghế; 10 bảng chống lóa; 07 tivi 65in; mở rộng sân khấu và làm mái che. Mua sắm thêm cơ sở vật chất từ nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường: 4 tivi 65 in; lắp đặt 17 camera hành lang lớp học và sân, cổng trường; trang bị thêm cơ sở vật chất cho phòng họp giáo viên,... Ngoài ra, trường đã huy động giáo viên vận động xã hội hóa lắp đặt thêm camera trong các lớp học.

Trường đã kết nối mạng Lan đến tất cả các phòng học; các lớp học đều được trang bị tivi màn hình lớn đáp ứng được nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Tháng 4/2025 trường được công nhận đạt KĐCL giáo dục cấp độ 2, chuẩn Quốc gia mức độ I; đạt chuẩn trường học “Sạch, Xanh, Sáng, Đẹp, An toàn” “Nhà vệ sinh sạch, đẹp, thân thiện”; Thư viện trường học đạt tiêu chuẩn Mức 1 theo TT16/2022/TT-BGDĐT.

Bảng thống kê so sánh các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao:

Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024-2025
II. HỌC SINH		
Tổng số học sinh	899	863
Kết quả lên lớp (%)	99,4	99,7

Kết quả hoàn thành Chương trình Tiểu học (%)	100	100
Tỷ lệ HS khen thưởng (%)	59,3	56,8
Duy trì sĩ số (%)	100	100
II. GIÁO VIÊN		
Tổng số CB-GV	45	48
Tổng số tổ, phòng, ban	6	6
Số tổ, phòng, ban đạt LĐTĐ	2	4
GV dạy giỏi cấp trường	Không thi	30
GV dạy giỏi cấp thành phố	Không thi	7
GV dạy giỏi cấp tỉnh	Không thi	Không thi
GV chủ nhiệm giỏi cấp trường	Không thi	Không thi
GV chủ nhiệm giỏi cấp thành phố	5	Không thi
GV chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh	2	Không thi
Sáng kiến cấp trường	21	21
Sáng kiến cấp thành phố	17	11
Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	9	9
Cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ	28	36
Cá nhân hoàn thành nhiệm vụ	3	1
Cá nhân đạt lao động Tiên tiến	42	45
Cá nhân đạt CSTĐ Cơ sở	20	12
Cá nhân đạt Bằng khen UBND tỉnh	0	1
Kết quả đánh giá, xếp loại của nhà trường	HTT	HTXS
Kết quả khen thưởng của nhà trường	0	LĐXS

*** Kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức, đoàn thể:**

- Năm 2024, Chi bộ được đánh giá Đảng ủy phường Tân Thiện đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Thông báo số 177-TB/ĐU ngày 16/12/2024

Năm học 2024 - 2025: Tập thể nhà trường được đánh giá, xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tại Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND thành phố Đồng Xoài.

- Công đoàn được Ban Thường vụ LĐLĐ thành phố đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Quyết định số 126 /QĐ-LĐLĐ ngày 23/5/2025.

- Đội TNTP Hồ Chí Minh được Hội đồng Đội thành phố đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại Thông báo số 10-TB/HĐĐ ngày 21/5/2025.

*** Hoạt động nhân đạo, từ thiện**

Nhà trường luôn huy động sự hỗ trợ của Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ

chức, cá nhân ủng hộ các em có hoàn cảnh khó khăn cụ thể:

STT	Tên cá nhân, tổ chức ủng hộ	Đơn vị nhận ủng hộ	Tặng tiền mặt	Tặng hiện vật	Tổng giá trị (đồng)
1	Cty TNHH Kim Hương 5	Trường TH Tân Thiện	56.000.000	0	56.000.000
2	Hội Phật giáo - UBND phường Tân Thiện	Trường TH Tân Thiện	13.200.000	0	13.200.000
3	Ngân hàng AgriBank BP	Trường TH Tân Thiện	10.000.000	0	10.000.000
4	Cty TNHH Hưng Thịnh Phát FOOD	Trường TH Tân Thiện	10.000.000	0	10.000.000
5	TW đoàn TNCS HCM	Trường TH Tân Thiện	0	SGK, cặp, bút, tập vở	
6	Bảo Việt Nhân Thọ	Trường TH Tân Thiện	0	Ba lô+quà	1.370.000
7	CB-GV-NV-HS trường TH Tân Thiện và MTQ	Trường TH Tân Thiện	17.000.000	Giỏ quà Tết	60.022.000
Tổng cộng			150.592.000 đồng		

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tham gia đầy đủ các đợt hiến máu tình nguyện do các ban ngành, đoàn thể phát động.

*** Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được ghi nhận:**

- Năm học 2024 - 2025: Tập thể Lao động Xuất sắc.

Trên đây là báo cáo thường niên Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tính đến 30/6/2025 của trường Tiểu học Tân Thiện./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH;
- Chi bộ nhà trường;
- CB, GV, NV;
- BDD CMHS;
- Website trường;
- Lưu: VT, hồ sơ.



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Huê



Ngày 15 tháng 10 năm 2015